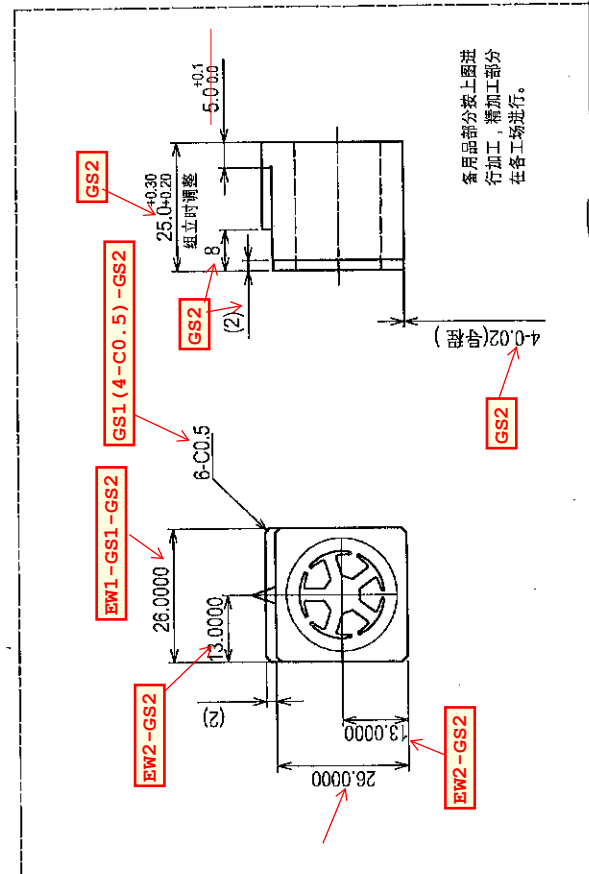


- EW1:
 - +26=>26.5 gia công thô 1 bên
 - +28=>28.5 gia công thô 1 bên
- GS:
 - +26=>26.10
 - +28=>28.10

Đảm bảo vuông góc và song song Max=3 μ m

- +4-C0.5=>ok
- +25=>lướt sáng



REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2021/3/22	新编设计	DGA-1975	U_Zhenhai	U_Zhenhai	Wang_Yuli	0.0000 ±0.002 0.000 -0 ⁺⁰ 0.000 ±0.005 0.000 -0 ^{-0.005}
△							0.00 ±0.01 0.00 -0 ⁻⁰
△							0.0 ±0.1 0.00 -0 ^{-0.01}
△							0. ±0.2 0.0 -0 ^{-0.1}

A (8-1)

刀部形状详细图 (WE)

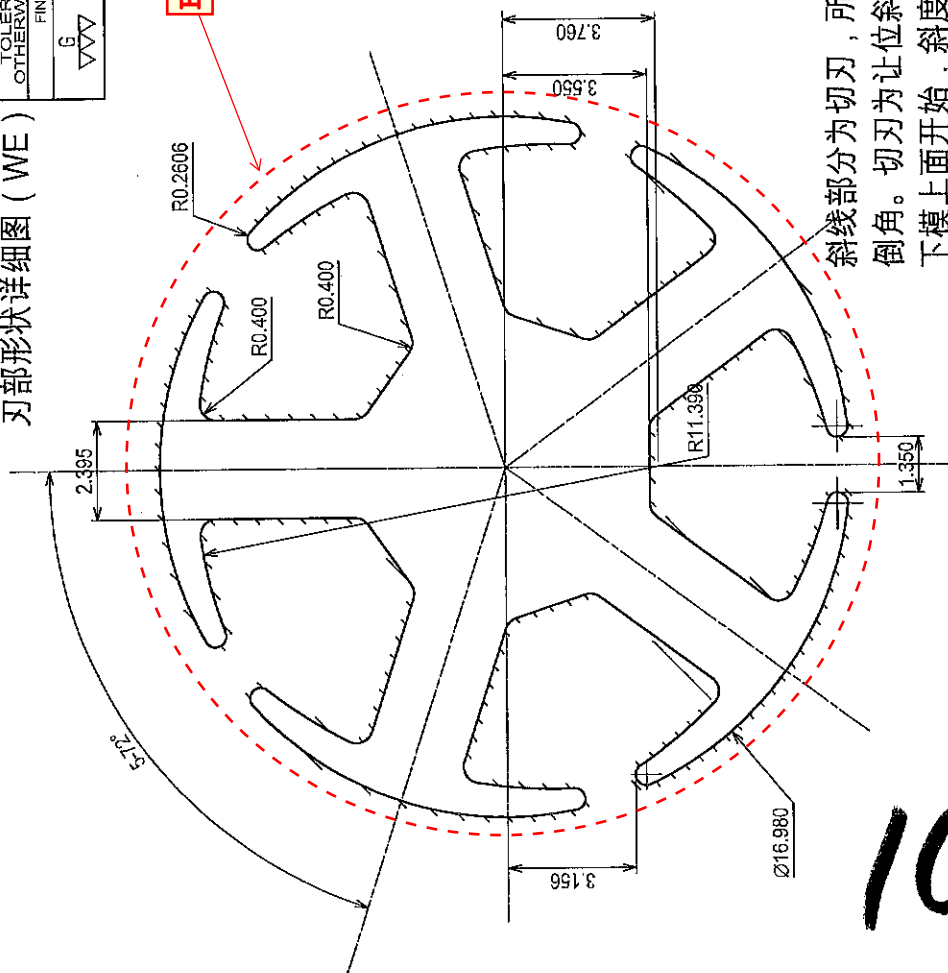
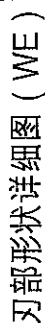
2.395

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED



FINISH MARKS

G WE

▽▽▽ ▽▽▽ ▽▽▽



斜线部分为切刃，所以不可倒角。切刃为让位斜坡，从下模上面开始，斜度为 $3'30''$ 。

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Wang_Wei	WQ(D30(HIP))		部品図 PART DRAWING	外径抜きダイ
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品型	OUT SIDE BLANKING DIE
Li_Zhenlai		1:1	部品図	外径落料下模
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	外径落料下模 DWG.No.
Li_Zhenlai	HRC ~	A3	2021/03/22	R418552

10/13

MAZUCHI MOTOR CO., LTD.

TEC + 28 + 30. (4 two 4th VL 725.733 + 126)

5

4

1

SNO: **R418552**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P